

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ CHU KỲ TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA: LÝ GIẢI TỪ HỌC THUYẾT MÁC – LÊNIN

Lê Thị Thùy Dương, Nguyễn Thị Kim Quế
Đại học Cần Thơ
Nguyễn Thị Hồng Diễm
Trường Cao đẳng Kiên Giang

Tóm tắt: Trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản, khủng hoảng kinh tế chu kỳ luôn là hiện tượng tất yếu gắn liền với sự vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Karl Marx đã chỉ ra rằng mâu thuẫn cơ bản giữa tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa là nguyên nhân sâu xa của các cuộc khủng hoảng. Bước sang thời kỳ toàn cầu hóa, khủng hoảng không chỉ diễn ra ở phạm vi quốc gia mà còn lan rộng với tốc độ nhanh chóng trên toàn thế giới, tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội. Bài viết này phân tích nền tảng lý luận Mác – Lênin về khủng hoảng, chỉ ra sự biến đổi của khủng hoảng trong bối cảnh toàn cầu hóa, đồng thời đề xuất một số định hướng chính trị – kinh tế giúp các quốc gia, đặc biệt là Việt Nam, chủ động ứng phó và hạn chế tác động tiêu cực.

Từ khóa: khủng hoảng kinh tế; chu kỳ; toàn cầu hóa; học thuyết Mác – Lênin; Việt Nam.

CYCLICAL ECONOMIC CRISES IN THE CONTEXT OF GLOBALIZATION: AN EXPLANATION FROM THE MARXIST–LENINIST DOCTRINE

Le Thi Thuy Duong, Nguyen Thi Kim Que
Can Tho University
Nguyen Thi Hong Diem
Kien Giang College

Abstract: Throughout the development of capitalism, cyclical economic crises have remained an inevitable phenomenon intrinsic to the capitalist mode of production. Karl Marx emphasized that the fundamental contradiction between the highly socialized productive forces and the private capitalist form of appropriation is the root cause of these crises. In the era of globalization, crises no longer occur within single nations but spread rapidly across the world, profoundly affecting all aspects of economic and social life. This paper examines the Marxist–Leninist theoretical foundations of economic crises, analyzes how globalization reshapes their nature and scope, and proposes political–economic orientations for nations, particularly Vietnam, to actively respond to and mitigate negative impacts.

Keywords: economic crisis; cycle; globalization; Marxist–Leninist theory; Vietnam.

Nhận bài: 06/07/2025

Phản biện: 07/08/2025

Duyệt đăng: 12/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ buổi đầu của chủ nghĩa tư bản, khủng hoảng kinh tế chu kỳ đã trở thành một đặc điểm cố hữu của nền kinh tế thị trường. Không chỉ là hiện tượng kinh tế thuần túy, khủng hoảng còn phản ánh mâu thuẫn xã hội, làm đảo lộn đời sống chính trị và văn hóa. Karl Marx và Friedrich Engels trong Tư bản đã khẳng định khủng hoảng bắt nguồn từ mâu thuẫn nội tại của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng xã hội hóa và quan hệ sản xuất mang tính tư hữu.

Trong thời đại toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, những cuộc khủng hoảng không còn giới hạn trong phạm vi một quốc gia hay khu vực mà lan truyền với tốc độ nhanh chóng, gây ra tác động dây chuyền. Khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997–1998, khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008–2009 và những hệ lụy kinh tế từ đại dịch Covid-19 là minh chứng điển hình.

Bài viết này nhằm làm rõ ba vấn đề: (1) Nền tảng lý luận Mác – Lênin về khủng hoảng kinh tế chu kỳ; (2) Sự biến đổi của khủng hoảng trong bối cảnh toàn cầu hóa; (3) Đề xuất định hướng chính trị – kinh tế cho Việt Nam trong phòng ngừa và ứng phó khủng hoảng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Nền tảng lý luận của học thuyết Mác – Lênin về khủng hoảng kinh tế

Trong lịch sử tư tưởng kinh tế chính trị, Karl Marx được xem là nhà lý luận đầu tiên hệ thống hóa khoa học về bản chất, nguyên nhân và quy luật vận động của khủng hoảng kinh tế tư bản chủ nghĩa. Khác với các nhà kinh tế học cổ điển như Adam Smith hay David Ricardo, vốn cho rằng khủng hoảng là hiện tượng bất thường do quản lý yếu kém hay ngoại cảnh, Marx chỉ ra rằng khủng hoảng là kết quả tất yếu của những mâu thuẫn nội tại trong phương thức sản xuất tư bản.

Lênin kế thừa và phát triển tư tưởng này, nhấn mạnh tính quy luật của khủng hoảng trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và bối cảnh toàn cầu hóa đầu thế kỷ XX.

Theo Marx, mâu thuẫn cơ bản dẫn tới khủng hoảng là sự đối lập giữa tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế tư bản, sản xuất tổ chức theo quy mô lớn, dựa trên hợp tác của hàng triệu lao động, nhưng thành quả lại thuộc về thiểu số nhà tư bản. Điều này gây ra nhiều mâu thuẫn cụ thể: (i) giữa sản xuất và tiêu thụ, do sức mua xã hội bị hạn chế; (ii) giữa tích lũy và tiêu dùng, khi lợi nhuận tái đầu tư thu hẹp khả năng tiêu dùng của công nhân; (iii) giữa giá trị và giá cả, do cạnh tranh và biến động thị trường. Marx cũng phân tích tính chu kỳ của khủng hoảng, cho rằng quá trình tái sản xuất tư bản luôn lặp lại qua các giai đoạn: phục hồi – hưng thịnh – khủng hoảng – đình trệ. Mỗi khủng hoảng đóng vai trò “thanh lọc” tạm thời nhưng cũng khẳng định sự thiếu ổn định bền vững của chủ nghĩa tư bản.

Động lực sản xuất tư bản là giá trị thặng dư tối đa, thúc đẩy nhà tư bản mở rộng quy mô, tăng bóc lột lao động và áp dụng kỹ thuật mới. Song chính cạnh tranh khốc liệt lại dẫn đến sản xuất vượt nhu cầu, ứ đọng hàng hóa, lợi nhuận giảm, rồi khủng hoảng bùng nổ. Lênin, khi phân tích chủ nghĩa đế quốc, đã chỉ ra đặc điểm mới: sự tập trung sản xuất, hình thành độc quyền, xuất khẩu tư bản, phân chia thị trường thế giới khiến khủng hoảng mang tính toàn cầu, sâu sắc và gắn liền với xung đột chính trị, quân sự. Như vậy, khủng hoảng tư bản không chỉ mang tính kinh tế mà còn gắn với mâu thuẫn giai cấp và cạnh tranh quốc tế.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều cuộc khủng hoảng hiện nay vẫn phản ánh những đặc điểm Marx – Lênin phân tích: sản xuất thừa, mất cân đối cung – cầu và sự lan truyền toàn cầu. Đại dịch Covid-19 càng cho thấy tính dễ tổn thương của nền kinh tế thế giới khi chuỗi cung ứng đứt gãy, thương mại đình trệ và bất bình đẳng gia tăng. Điều này chứng minh giá trị thời sự của lý luận Marx – Lênin trong việc lý giải bản chất và quy luật của các biến động kinh tế đương đại.

2.2. Tác động của toàn cầu hóa đến tính chất và phạm vi khủng hoảng

Toàn cầu hóa kinh tế, bắt đầu mạnh mẽ từ cuối thế kỷ XX với sự bùng nổ của thương mại quốc tế, đầu tư xuyên quốc gia và hệ thống tài chính toàn cầu, đã làm thay đổi sâu sắc cách thức các cuộc khủng hoảng kinh tế xuất hiện, diễn biến và lan truyền. Nếu trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản, khủng hoảng thường mang tính cục bộ, giới hạn trong phạm vi quốc gia hoặc khu vực, thì ngày nay, khủng hoảng nhanh chóng vượt qua biên giới và trở thành hiện tượng mang tính toàn cầu.

Trước hết, toàn cầu hóa làm gia tăng sự liên thông và phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế. Sự phát triển của chuỗi cung ứng toàn cầu khiến sản xuất ở các quốc gia ngày càng gắn chặt. Một biến động nhỏ tại một mắt xích, như việc ngưng trệ sản xuất chip điện tử tại châu Á, có thể nhanh chóng làm đình trệ ngành công nghiệp ô tô tại châu Âu hay Mỹ. Điều này khiến các cú sốc kinh tế không chỉ còn là vấn đề nội bộ, mà trở thành “cú sốc hệ thống” lan rộng trên phạm vi toàn cầu.

Thứ hai, sự toàn cầu hóa của thị trường tài chính đã làm khủng hoảng diễn ra nhanh hơn và sâu hơn. Dòng vốn ngắn hạn, đầu cơ tài chính, và sự phát triển của các công cụ phái sinh đã tạo ra tính dễ tổn thương lớn cho hệ thống. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997–1998 khởi phát từ sự sụp đổ của đồng baht Thái Lan, nhưng nhanh chóng lan sang Hàn Quốc, Indonesia, Malaysia và tác động đến nhiều nền kinh tế khác. Tương tự, khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008–2009 bắt đầu từ thị trường bất động sản Mỹ nhưng chỉ trong vài tháng đã làm rung chuyển toàn bộ hệ thống tài chính thế giới.

Thứ ba, toàn cầu hóa làm thay đổi tính chất xã hội của khủng hoảng. Khủng hoảng không chỉ còn là sự mất cân đối kinh tế thuần túy, mà còn kéo theo những vấn đề xã hội như thất nghiệp hàng loạt, bất bình đẳng gia tăng, di cư lao động, và thậm chí bất ổn chính trị. Tác động này đặc biệt mạnh đối với các nước đang phát triển vốn phụ thuộc nhiều vào thị trường xuất khẩu và dòng vốn đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, toàn cầu hóa cũng làm khủng hoảng mang tính đa chiều. Các cuộc khủng hoảng hiện nay thường gắn với nhiều yếu tố đan xen: khủng

hoảng năng lượng, khủng hoảng lương thực, biến đổi khí hậu, đại dịch toàn cầu... Đại dịch Covid-19 là minh chứng rõ rệt: từ một cú sốc y tế, nó nhanh chóng biến thành khủng hoảng kinh tế – xã hội toàn cầu, làm gián đoạn thương mại, du lịch, vận tải và chuỗi cung ứng.

Tóm lại, toàn cầu hóa khiến khủng hoảng kinh tế chu kỳ trở nên mang tính toàn hệ thống, đa tầng và dây chuyền, khó kiểm soát hơn nhiều so với trước đây. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về hợp tác quốc tế trong quản lý khủng hoảng, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng nền kinh tế tự chủ và linh hoạt để giảm thiểu tác động tiêu cực từ những biến động toàn cầu.

2.3. Cơ hội mà toàn cầu hóa mở ra trong việc ứng phó khủng hoảng

Toàn cầu hóa thường được xem là yếu tố gia tăng nguy cơ lan truyền khủng hoảng, song đồng thời cũng mở ra cơ hội để các quốc gia phối hợp, chia sẻ nguồn lực và tìm giải pháp ứng phó hiệu quả hơn. Chính nhờ sự kết nối toàn cầu, con người có khả năng đối diện với biến động kinh tế – xã hội bằng các công cụ và cơ chế hợp tác chưa từng có.

Toàn cầu hóa tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của các thể chế tài chính quốc tế như IMF, WB, WTO hay G20. Các tổ chức này đóng vai trò “điểm tựa” điều phối chính sách và hỗ trợ các quốc gia vượt qua khủng hoảng: IMF cung cấp gói cứu trợ, WB tài trợ phục hồi hạ tầng, còn G20 là diễn đàn thảo luận và phối hợp giải pháp toàn cầu.

Toàn cầu hóa thúc đẩy dòng chảy tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản lý, giúp các quốc gia học hỏi lẫn nhau. Sau khủng hoảng 2008–2009, nhiều nước áp dụng linh hoạt chính sách tài khóa – tiền tệ theo kinh nghiệm Mỹ và châu Âu. Trong đại dịch Covid-19, nhờ toàn cầu hóa, các giải pháp công nghệ số, thương mại điện tử và ngân hàng trực tuyến đã nhanh chóng được ứng dụng, duy trì hoạt động kinh tế.

Toàn cầu hóa mở ra cơ hội huy động nguồn lực phục hồi, từ FDI, vốn vay ưu đãi đến hợp tác song phương, đa phương. Doanh nghiệp cũng có thể mở rộng thị trường quốc tế để bù đắp nhu cầu trong nước. Việt Nam là ví dụ điển hình khi tận dụng hiệu quả các FTA để duy trì xuất khẩu trong khủng hoảng.

Toàn cầu hóa góp phần hình thành cơ chế cảnh báo sớm và giám sát rủi ro toàn cầu thông qua các mạng lưới nghiên cứu, trung tâm dự báo và thống kê quốc tế.

Toàn cầu hóa nâng cao tinh thần đoàn kết xã hội quốc tế, hỗ trợ nhóm yếu thế trong khủng hoảng, thể hiện rõ qua chia sẻ vaccine và kinh nghiệm chống dịch Covid-19.

2.4. Thách thức và nguy cơ gia tăng bất ổn kinh tế

Bên cạnh những cơ hội, toàn cầu hóa cũng đặt ra nhiều thách thức và nguy cơ bất ổn mới đối với nền kinh tế toàn cầu. Trước hết, toàn cầu hóa làm cho khủng hoảng mang tính dây chuyền và hệ thống. Một biến động nhỏ ở một quốc gia có thể nhanh chóng lan rộng ra nhiều khu vực. Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á 1997–1998 từ Thái Lan lan sang toàn Đông Á, hay khủng hoảng 2008–2009 từ Mỹ đã khiến cả hệ thống ngân hàng châu Âu chao đảo. Sự gắn kết càng chặt chẽ thì khả năng “lây nhiễm” khủng hoảng càng cao.

Toàn cầu hóa làm gia tăng tính dễ tổn thương của thị trường tài chính. Dòng vốn ngắn hạn có thể rút ồ ạt khi có dấu hiệu bất ổn, tạo ra khủng hoảng thanh khoản. Các công cụ phái sinh và hệ thống ngân hàng ngầm càng khiến rủi ro tiềm ẩn khó kiểm soát.

Toàn cầu hóa làm trầm trọng thêm bất bình đẳng. Các nước phát triển có khả năng ứng phó và phục hồi nhanh, trong khi các nước đang phát triển chịu thiệt hại nặng. Ngay trong một quốc gia, nhóm giàu có thể hưởng lợi từ gói cứu trợ, còn người nghèo dễ mất việc, giảm thu nhập, làm gia tăng khoảng cách xã hội.

Toàn cầu hóa khiến một số quốc gia mất tự chủ kinh tế do phụ thuộc quá lớn vào xuất khẩu, vốn hoặc công nghệ nước ngoài. Đại dịch Covid-19 cho thấy các nền kinh tế Đông Nam Á bị tổn thương nặng vì phụ thuộc vào du lịch và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Khủng hoảng trong bối cảnh toàn cầu hóa có tính đa chiều, gắn với chính trị, năng lượng, môi trường và dịch bệnh. Những cú sốc này thường kết hợp, khuếch đại lẫn nhau như khủng hoảng năng lượng và lạm phát toàn cầu năm 2022.

2.5. Thực tiễn khủng hoảng và ứng phó tại Việt Nam

Trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam không đứng ngoài những biến động mang tính chu kỳ của kinh tế thế giới. Các cuộc khủng hoảng toàn cầu và khu vực trong hơn ba thập niên qua đã để lại dấu ấn rõ nét, đồng thời bộc lộ những điểm mạnh cũng như hạn chế của nền kinh tế nước ta trong quá trình ứng phó.

Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997–1998 là thử thách đầu tiên đối với Việt Nam trong giai đoạn mở cửa. Khi đó, mức độ hội nhập của Việt Nam còn hạn chế, hệ thống tài chính chưa gắn kết sâu với thị trường khu vực, do đó tác động trực tiếp không quá nghiêm trọng. Tuy nhiên, xuất khẩu suy giảm, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chững lại và niềm tin thị trường bị ảnh hưởng rõ rệt. Những tác động này cho thấy sự phụ thuộc của nền kinh tế vào môi trường khu vực và tầm quan trọng của việc đa dạng hóa thị trường.

Bước sang khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008–2009, Việt Nam đã hội nhập sâu rộng hơn. Sự suy giảm nhu cầu trên thị trường Mỹ và châu Âu khiến kim ngạch xuất khẩu giảm, doanh nghiệp khó khăn trong sản xuất và tiếp cận vốn, thị trường bất động sản rơi vào tình trạng đóng băng. Chính phủ Việt Nam khi đó đã triển khai gói kích cầu lớn, bao gồm hỗ trợ lãi suất và tăng chi đầu tư công nhằm giữ vững tăng trưởng. Chính sách này giúp nền kinh tế tránh được suy thoái sâu, nhưng cũng để lại hệ quả là lạm phát cao và nợ công tăng nhanh trong những năm sau đó. Kinh nghiệm rút ra là việc ứng phó khủng hoảng cần cân nhắc giữa mục tiêu ngắn hạn và sự ổn định vĩ mô lâu dài.

Đại dịch Covid-19 là phép thử khắc nghiệt nhất trong nhiều thập niên gần đây. Khủng hoảng lần này không xuất phát từ chu kỳ tài chính thông thường mà từ một cú sốc y tế toàn cầu, khiến chuỗi cung ứng bị gián đoạn, ngành du lịch – dịch vụ sụt giảm nghiêm trọng và hàng triệu lao động mất việc làm. Việt Nam đã đối diện tình trạng tăng trưởng GDP giảm mạnh trong năm 2020. Trước tình hình đó, Chính phủ áp dụng đồng bộ các giải pháp: vừa kiểm soát dịch bệnh, vừa đưa ra gói hỗ trợ tài khóa – tiền tệ để trợ giúp doanh

nh nghiệp và người dân, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số để duy trì các hoạt động kinh tế – xã hội. Bài học quan trọng từ giai đoạn này là năng lực thích ứng nhanh, sự phối hợp chặt chẽ giữa chính sách y tế và chính sách kinh tế, cũng như vai trò then chốt của đoàn kết cộng đồng.

Qua ba lần khủng hoảng, có thể thấy rằng Việt Nam ngày càng chịu tác động rõ rệt từ những biến động toàn cầu do mức độ hội nhập ngày càng sâu rộng. Ứng phó khủng hoảng không thể chỉ dựa vào các biện pháp tình thế mà cần gắn với chiến lược dài hạn: xây dựng nền kinh tế tự chủ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, củng cố hệ thống tài chính – ngân hàng, và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Việc chủ động dự báo và phòng ngừa sẽ giúp Việt Nam không chỉ giảm thiểu thiệt hại trong khủng hoảng, mà còn tận dụng cơ hội để tái cơ cấu và phát triển bền vững hơn.

2.6. Định hướng chính trị – kinh tế trong quản lý và phòng ngừa khủng hoảng

Lý luận của Mác và Lênin khẳng định khủng hoảng kinh tế chu kỳ là tất yếu trong chủ nghĩa tư bản, và trong bối cảnh toàn cầu hóa, khủng hoảng diễn biến ngày càng phức tạp. Đối với Việt Nam, việc hoạch định chiến lược quản lý và phòng ngừa khủng hoảng cần dựa trên tầm nhìn dài hạn, phù hợp với đặc thù của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, cần củng cố vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước. Mặc dù không thể loại bỏ hoàn toàn khủng hoảng, Nhà nước có thể điều tiết chu kỳ kinh tế thông qua chính sách tài khóa, tiền tệ và an sinh xã hội. Việc duy trì dự trữ ngoại hối, quản lý nợ công, đảm bảo an toàn ngân hàng và điều hành tỷ giá linh hoạt là những giải pháp trọng yếu. Đồng thời, hệ thống cảnh báo sớm và dự báo rủi ro cần được xây dựng để chủ động điều chỉnh chính sách.

Thứ hai, nâng cao tính tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế. Việt Nam cần phát triển thị trường nội địa, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích đổi mới sáng tạo và xây dựng công nghiệp nền tảng. Việc đẩy mạnh tự cường công nghệ và phát triển sản phẩm chiến lược như lương thực, năng lượng, thiết bị y tế giúp giảm phụ thuộc bên ngoài.

Thứ ba, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Việt Nam cần tận dụng các hiệp định thương mại tự do, mở rộng thị trường xuất khẩu và thúc đẩy hợp tác Nam – Nam để phân tán rủi ro và tăng tính linh hoạt trước biến động quốc tế.

Thứ tư, gắn kết phát triển kinh tế với công bằng xã hội. Chính sách an sinh, đào tạo lại lao động, mở rộng bảo hiểm cần được chú trọng để giảm tác động tiêu cực và duy trì ổn định xã hội.

Cuối cùng, định hướng phòng ngừa khủng hoảng phải đi đôi với hội nhập quốc tế chủ động, song vẫn bảo đảm lợi ích quốc gia và giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là nền tảng để Việt Nam tận dụng cơ hội toàn cầu hóa, đồng thời giảm thiểu rủi ro từ khủng hoảng chu kỳ.

III. KẾT LUẬN

Khủng hoảng kinh tế chu kỳ là hiện tượng không thể tách rời khỏi sự vận động của chủ nghĩa tư bản. Từ góc nhìn lý luận Mác – Lênin, nguyên nhân sâu xa của khủng hoảng bắt nguồn từ mâu thuẫn cơ bản giữa tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất và hình thức chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Mâu thuẫn này thể hiện qua sự mất cân đối cung – cầu, sản xuất thừa so với sức mua xã hội, và xu hướng tích lũy tư bản không giới hạn. Những phân tích ấy vẫn giữ nguyên giá trị trong việc lý giải các cuộc khủng hoảng hiện đại.

Toàn cầu hóa đã làm thay đổi phạm vi và tính chất của khủng hoảng. Nếu trước đây, khủng hoảng thường giới hạn trong phạm vi quốc gia hoặc khu vực, thì ngày nay, nó nhanh chóng lan truyền với tốc độ toàn cầu, gắn liền với hệ thống

tài chính, chuỗi cung ứng và thương mại quốc tế. Khủng hoảng trở nên đa chiều, không chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế mà còn tác động mạnh mẽ đến xã hội, môi trường và chính trị.

Đối với Việt Nam, những kinh nghiệm từ khủng hoảng tài chính châu Á 1997–1998, khủng hoảng toàn cầu 2008–2009 và đại dịch Covid-19 cho thấy rằng mức độ hội nhập càng sâu thì tác động càng lớn. Tuy nhiên, chính trong khủng hoảng, Việt Nam cũng rút ra được những bài học quan trọng về củng cố vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước, phát triển thị trường nội địa, đa dạng hóa quan hệ kinh tế đối ngoại và tăng cường an sinh xã hội.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, quản lý và phòng ngừa khủng hoảng đòi hỏi kết hợp hai yếu tố: một mặt là hợp tác quốc tế, tận dụng nguồn lực và kinh nghiệm toàn cầu; mặt khác là tăng cường nội lực, bảo đảm tính tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế. Chỉ khi đặt con người làm trung tâm của phát triển, coi trọng sự cân bằng giữa tăng trưởng và công bằng xã hội, thì các quốc gia mới có thể không chỉ vượt qua khủng hoảng mà còn biến nó thành cơ hội để tái cơ cấu và phát triển bền vững.

Từ góc nhìn lý luận và thực tiễn, có thể khẳng định rằng học thuyết Mác – Lênin tiếp tục là kim chỉ nam quan trọng để nhận diện bản chất, phạm vi và tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ trong thời đại toàn cầu hóa. Đây cũng chính là cơ sở để Việt Nam và các quốc gia đang phát triển định hướng chiến lược phát triển dài hạn, vừa hội nhập sâu rộng, vừa giữ vững tính độc lập, tự chủ và bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác & Ph. Ăngghen (1995). *Tư bản – Tập I, II, III*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
2. V.I. Lênin (1976). *Chủ nghĩa đế quốc – giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản*. Hà Nội: NXB Sự thật.
3. Nguyễn Xuân Thắng (2020). “Toàn cầu hóa và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”. *Tạp chí Lý luận Chính trị*, số 5, tr. 15–25.
4. Krugman, P. (2009). *The Return of Depression Economics and the Crisis of 2008*. New York: W. W. Norton & Company.
5. Stiglitz, J. (2002). *Globalization and Its Discontents*. New York: W. W. Norton.
6. Ngân hàng Thế giới (World Bank) (2021). *Vietnam Economic Update*. Hà Nội.
7. IMF (2019). *World Economic Outlook: Global Manufacturing Downturn, Rising Trade Barriers*. Washington D.C.